TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày: 19-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HS-ST ngày 25-3-2019 đối với bị cáo:

Trương Lâm Anh D, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: 115/A/7 đường 1, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Nguyễn Thành S, sinh năm 1958; con bà: Lâm Hoàng A, sinh năm 1956; Tiền sự: không.

Tiền án: ngày 29/9/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Long An tuyên phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chưa thi hành xong phần bồi thường thiệt hại.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại 115/A/7 đường 1, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại đầu tư P.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lục Thị Mỹ T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1987.

HKTT: Khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Trần Tú D, sinh năm: 1986.

HKTT: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà Trần Thị Ái L, sinh năm: 1985.

HKTT: Thôn 3, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1985.

HKTT: Thôn 5, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Bà Phan Thị H, sinh năm: 1967.

HKTT: Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Bà Cao Thị Ngọc S, sinh năm: 1952.
HKTT: Ấp Lộc Hòa, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
7. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm: 1973.
HKTT: Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
8. Bà Đinh Thị Mai H, sinh năm: 1977.
HKTT: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
9. Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1962.
HKTT: Ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
10. Bà Phan Thị Ngọc Q, sinh năm: 1968.
HKTT: Khu phố 2, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
11. Bà Thái Thị V, sinh năm: 1944.
HKTT: Khu phố 2, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
12. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1978.
HKTT: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
13. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1958.
HKTT: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
14. Bà Nguyễn Thị Chương H, sinh năm: 1990.
HKTT: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
15. Bà Phạm Thị X, sinh năm: 1993.
HKTT: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
16. Bà Đoàn Thị Ngọc L, sinh năm: 1971.
HKTT: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
17. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1973.
HKTT: Khu phố 6, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
18. Bà Trương Thị Minh T, sinh năm: 1977.
HKTT: Khu phố 3, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
19. Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm: 1988.
HKTT: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà T, bà L, bà Nguyễn Thị Chương H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H, ông D, bà Trần Thị H, bà H1, bà Cao Thị Ngọc S, bà X, bà H2, ông P, bà Q, bà V, bà Nguyễn Thị Thu S, bà B, bà X1, bà L1, bà H3, bà T1, bà T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Lâm Anh D là nhân viên tiếp thị của công ty TNHH TM ĐT Phạm T (thuộc thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) do ông Phạm T (sinh năm: 1946) làm giám đốc, bà Lục Thị Mỹ T (sinh năm: 1982) quản lý và điều hành công ty. D được nhận vào công ty làm vào khoảng tháng 10/2018, công việc của D là đến gặp các khách hàng để bán hàng, khi có khách hàng mua hàng thì làm đơn hàng nộp về cho công ty, bộ phận giao hàng của công ty sẽ giao hàng cho khách hàng, đúng 07 ngày sau ngày mua hàng D sẽ nhận đơn hàng từ công ty và quay lại khách hàng đã bán hàng để thu tiền cho công ty. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 10/2018 đến ngày 06/11/2018, do thiếu tiền tiêu xài, D đã lợi dụng việc một số khách hàng tin tưởng công ty, khi thanh toán tiền không gạch hóa đơn, D đã

chiếm đoạt số tiền này và báo về công ty là khách hàng nợ lại chưa thanh toán. Ngày 06/11/2018, D xin nghỉ việc và cắt liên lạc với công ty, bà Lục Thị Mỹ T nghi ngờ nên đã kiểm tra các đơn hàng mà D có trách nhiệm đi thu công nợ thì phát hiện được hành vi của D nên đã làm đơn tố cáo hành vi của D đến Cơ quan Công an. Ngày 07/11/2018, D đã chuyển khoản cho bà T số tiền 2.810.000 đồng là tiền D thu của hai cửa hàng "Yến L" tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và cửa hàng chị Nguyễn Thị Minh N tại huyện C, tỉnh Đồng Nai do 02 hóa đơn này khách hàng khi thanh toán đã gạch hóa đơn. Đối chiếu số hóa đơn công ty cung cấp thì số tiền D chiếm đoạt của Công ty P trên địa bàn huyện Châu Đức cụ thể như sau:

Ngày 23/10/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Trần Thị Ái L (sinh năm: 1985) tại thôn 3, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.851.372 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Phan Thị H (sinh năm: 1967) tại ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.264.720 đồng.

Ngày 24/10/2048, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Huỳnh Thị B (sinh năm: 1958) tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.252.967 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Nguyễn Thị C (sinh năm: 1990) tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 468.226 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Đoàn Thị Ngọc L (sinh năm: 1971) tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.313.628 đồng.

Ngày 25/10/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Bùi Thị Thanh T (sinh năm: 1988) tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.302.644 đồng.

Ngày 29/10/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Thái Thị V (sinh năm: 1944) tại khu phố 2, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.345.219 đồng.

Ngày 30/10/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Trần Thị H (sinh năm: 1985) tại thôn 5, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 2.902.000 đồng.

Ngày 31/10/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Phạm Thị X (sinh năm: 1993) tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.998.090 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Nguyễn Thị Thu S (sinh năm: 1978) tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 340.050 đồng.

Ngày 01/11/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Nguyễn Thị Mỹ H (sinh năm: 1987) tại khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.998.182 đồng.

Ngày 05/11/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Nguyễn Thị Mỹ H (sinh năm: 1987) tại khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 997.028 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Nguyễn Thị T (sinh năm: 1973) tại ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.000.000 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng anh Lê Thanh P (sinh năm: 1962) tại ấp V, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.000.000 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Nguyễn Thị H (sinh năm: 1973) tại khu phố 6, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 346.366 đồng.

Ngày 06/11/2018, D chiếm đoạt tiền hàng thu của cửa hàng chị Trần Tú D (sinh năm: 1986) tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 2.076.028 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Cao Thị Ngọc S (sinh năm: 1952) tại khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 780.867 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Đinh Thị Mai H (sinh năm: 1977) tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.367.187 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Phan Thị Ngọc Q (sinh năm: 1968) tại khu phố 4, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 780.866 đồng; tiền hàng thu của cửa hàng chị Trương Thị Minh T (sinh năm: 1977) tại khu phố 3, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu số tiền 1.571.885 đồng.

Tổng số tiền D chiếm đoạt của Công ty P trên địa bàn huyện Châu Đức là 25.157.272 đồng. Sau khi tiếp nhận đơn tố cáo của bà T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã tiến hành làm việc với Trương Lâm Anh D, tại đây D đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty Pg như đã nêu trên.

Ngoài địa bàn huyện Châu Đức thì Trương Lâm Anh D còn chiếm đoạt tiền của Công ty P trên địa bàn huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ngày 07/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã ra công văn số 27/CAH-ĐTTH gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để phối hợp điều tra, tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, vì vậy tiếp tục điều tra xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 22-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Trương Lâm Anh D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Trương Lâm Anh D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt D mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Theo đại diện Viện Kiểm sát phần dân sự buộc D bồi thường cho Công ty TNHH TM ĐT P số tiền còn lại là 8.487.272 đồng.

Bị cáo D xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, bị cáo Trương Lâm Anh D thừa nhận thực hiện hành vi như sau:

Vào khoảng đầu tháng 10/2018 đến ngày 06/11/2018, Trương Lâm Anh D là nhân viên tiếp thị của công ty TNHH TM ĐT P (thuộc thôn Q, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đã thu tiền hàng của 20 cửa hàng là khách hàng trên địa bàn huyện Châu Đức của Công ty nhưng không nộp về cho Công ty mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền D chiếm đoạt của Công ty P là 25.157.272 đồng.

[3] Hành vi mà bị cáo D thực hiện phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo D là nhân viên tiếp thị của công ty TNHH TM ĐT P, D đã thu tiền của khách hàng trên địa bàn huyện Châu Đức của Công ty P nhưng D không nộp tiền về cho Công ty. D lợi dụng việc khách hàng khi thanh toán tiền không gạch hóa đơn rồi D báo với công ty là khách hàng chưa trả tiền để chiếm đoạt tiền của công ty dùng vào tiêu xài cá nhân, D xin nghỉ việc và cắt liên lạc với công ty.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận Trương Lâm Anh D phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo Trương Lâm Anh D là một công dân đã trưởng thành phải sống đúng theo quy định của pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, vi phạm quy định của Công ty nên bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của bị hại mà còn làm mất trật tự trị an địa phương. Sự cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo để quyết định cho bị cáo một hình phạt phù hợp.

Bị cáo có một tiền án nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại.

Như vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với D.

[5]: **Về trách nhiệm dân sự:**

Bà Lục Thị Mỹ T (đại diện công ty P) yêu cầu bị cáo Trương Lâm Anh D phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của công ty là 25.157.272 đồng, D đã tự nguyện trả được số tiền là 16.670.000 đồng, số tiền còn lại là 8.487.272 đồng bà T yêu cầu D tiếp tục hoàn trả cho Công ty và D đồng ý bồi thường. Do đó xử ghi nhận D phải trả cho TNHH TM ĐT P số tiền 8.487.272 (tám triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai) đồng.

[6] **Về án phí:** Bị cáo D nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 424.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, tổng cộng D nộp 624.000đ (sáu trăm hai mươi bốn ngàn) đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Lâm Anh D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trương Lâm Anh D 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Xử ghi nhận Trương Lâm Anh D phải trả cho TNHH TM ĐT P số tiền 8.487.272 (tám triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai) đồng.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí: Bị cáo D nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 424.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, tổng cộng D nộp 624.000đ (sáu trăm hai mươi bốn ngàn) đồng án phí.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19-4-2019) bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- Phòng PV 06 (CA tỉnh BR - VT);
- Phòng PC 10 (CA tỉnh BR - VT);
- Sở tư pháp tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CA huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Loan